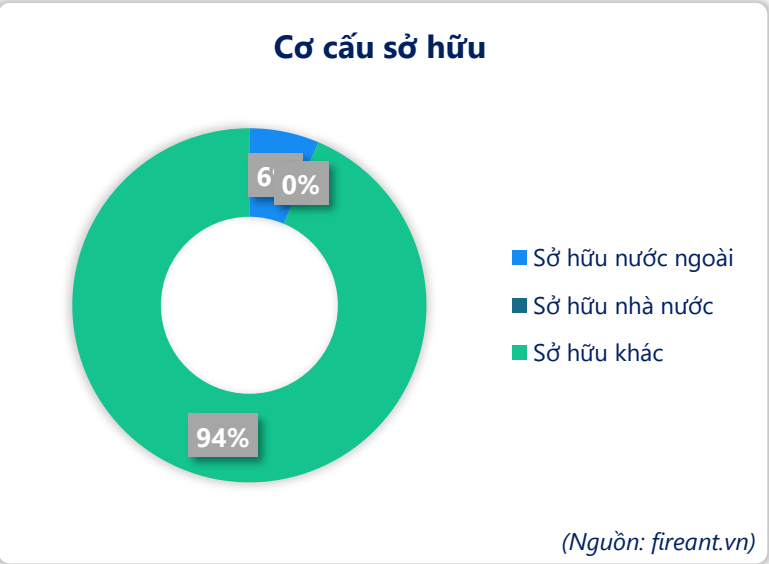
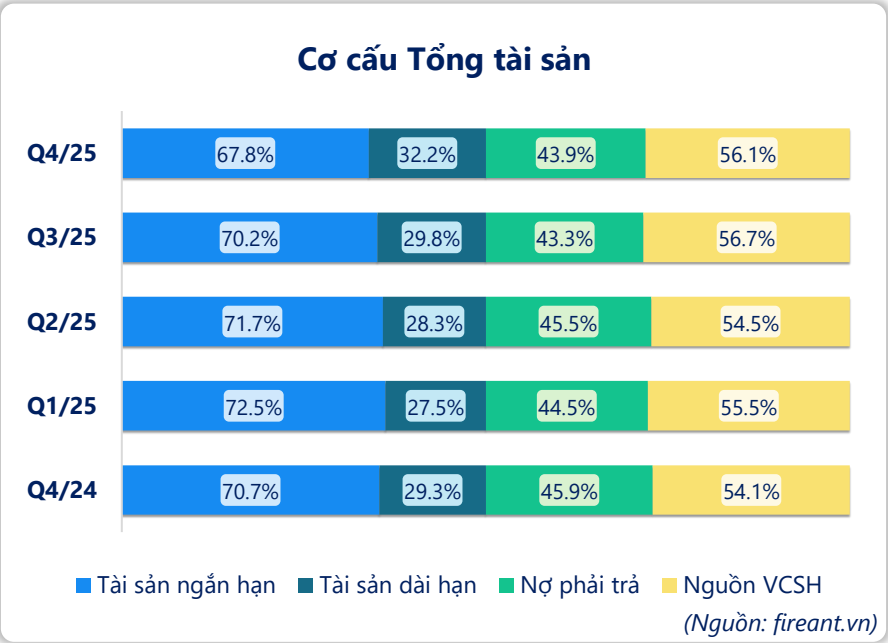
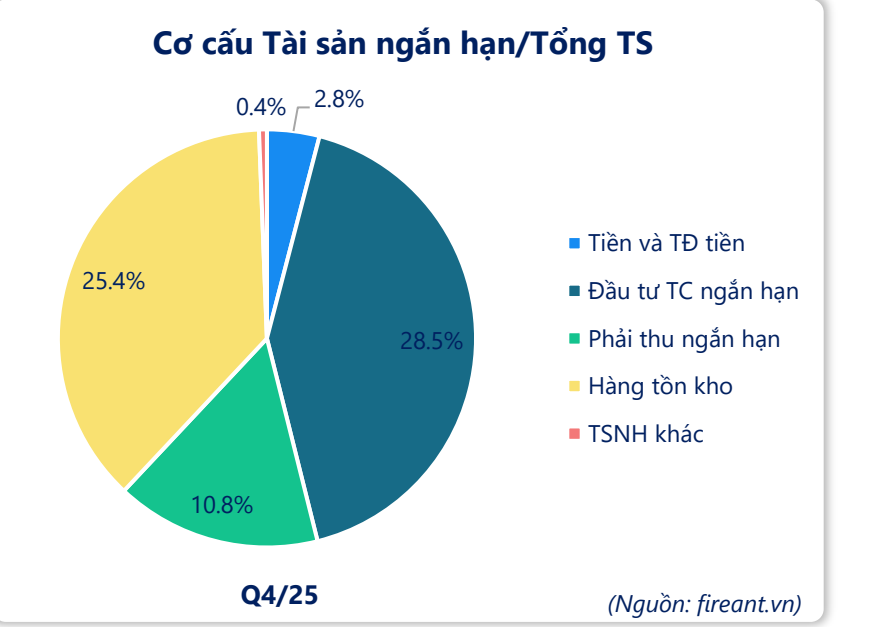
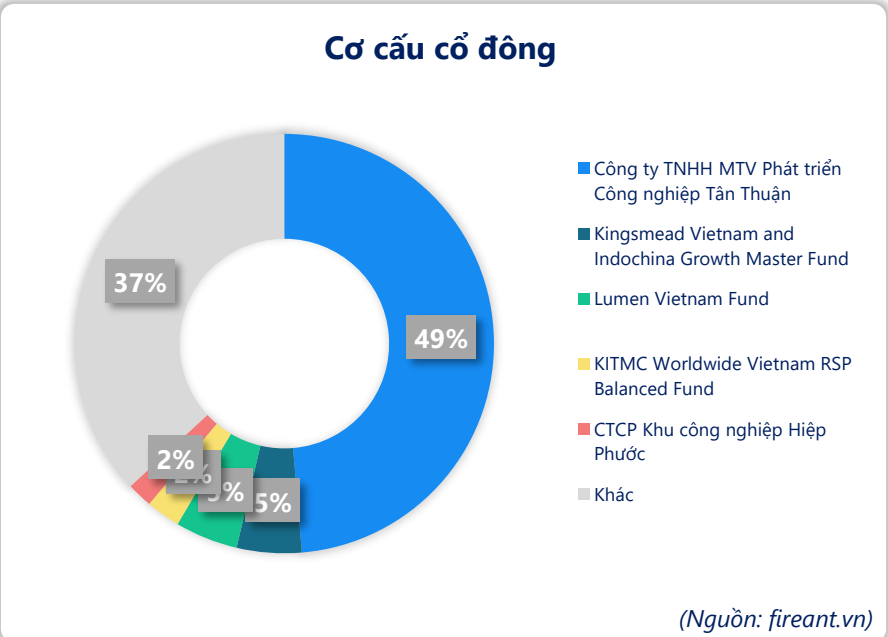
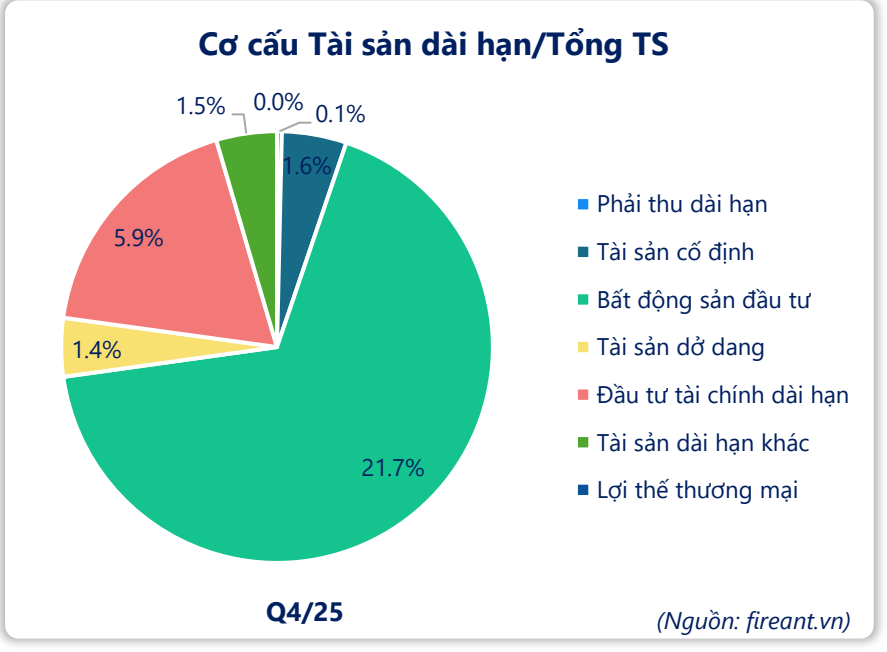
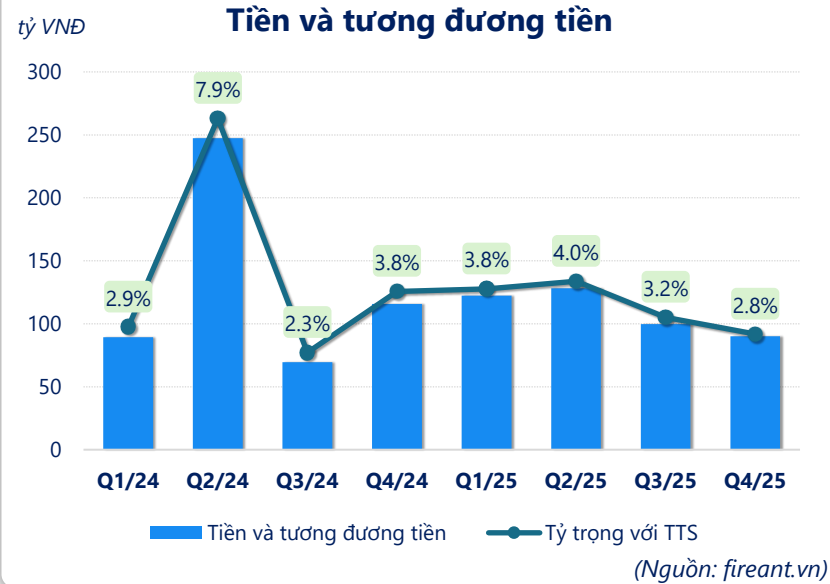
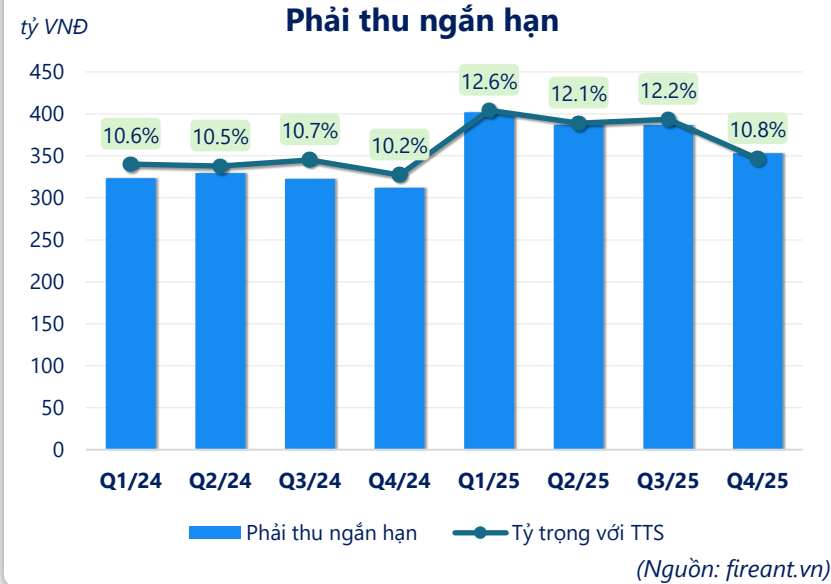
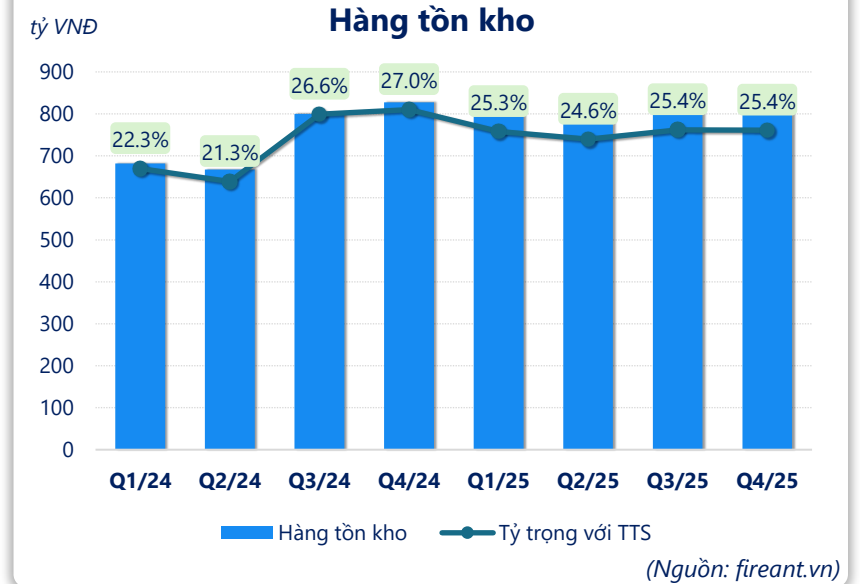
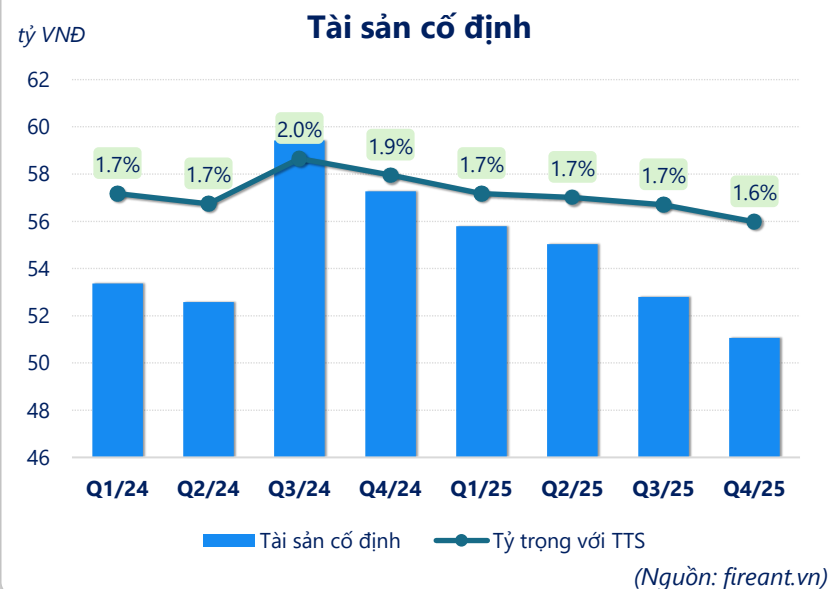
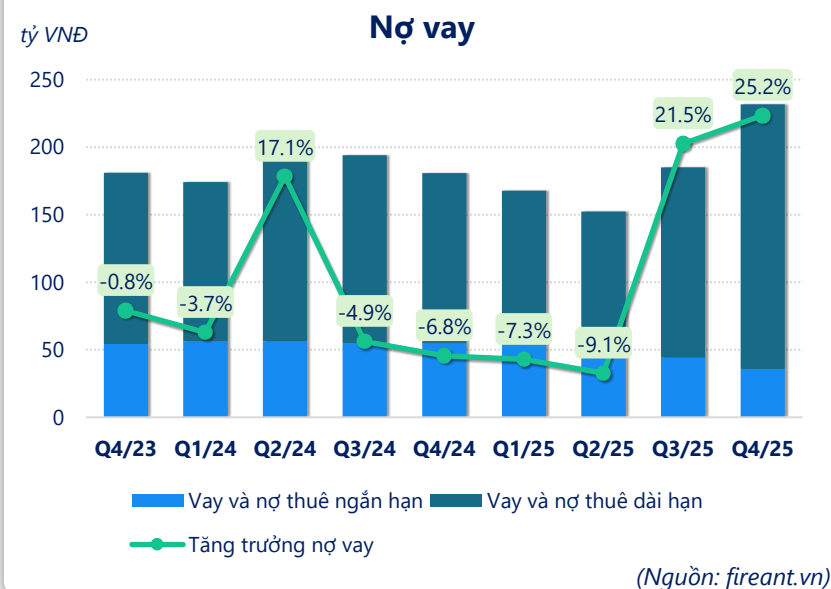
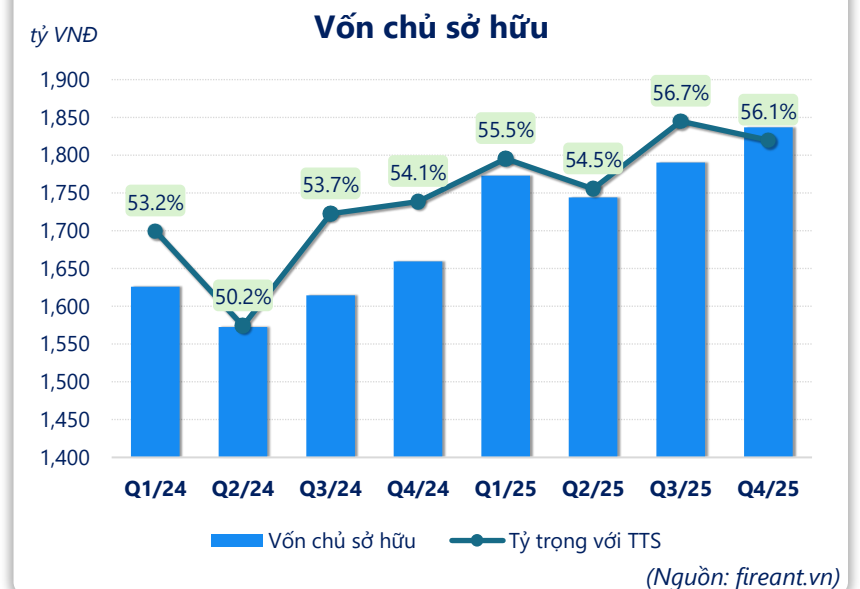
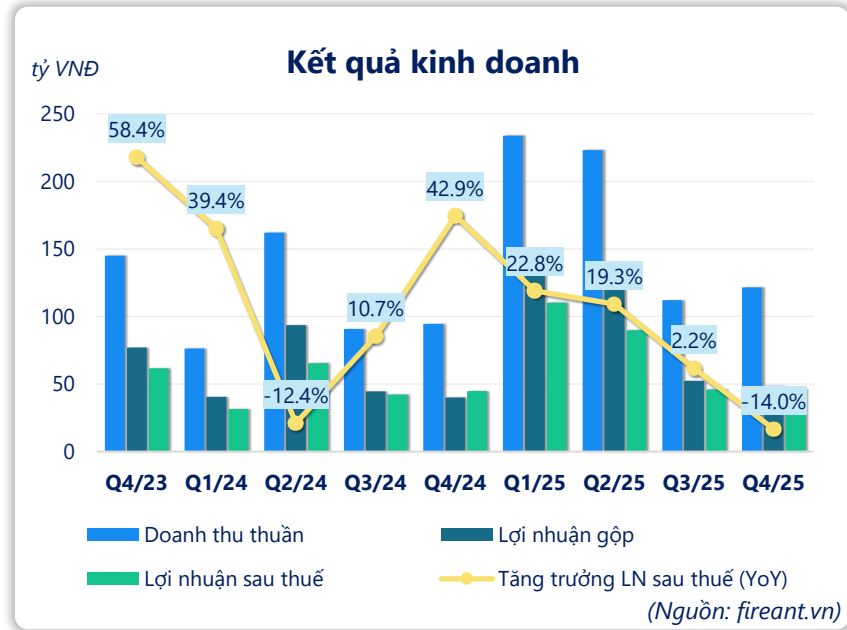
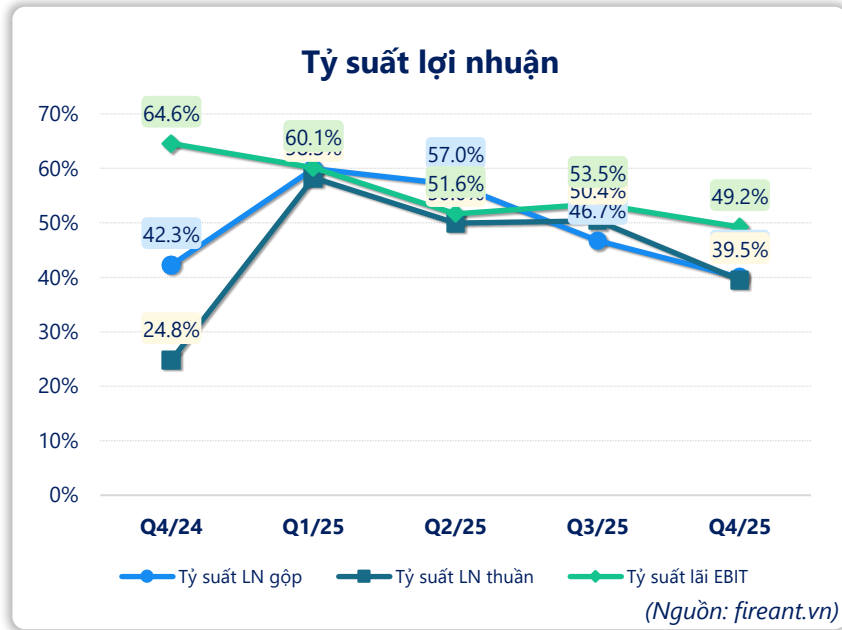
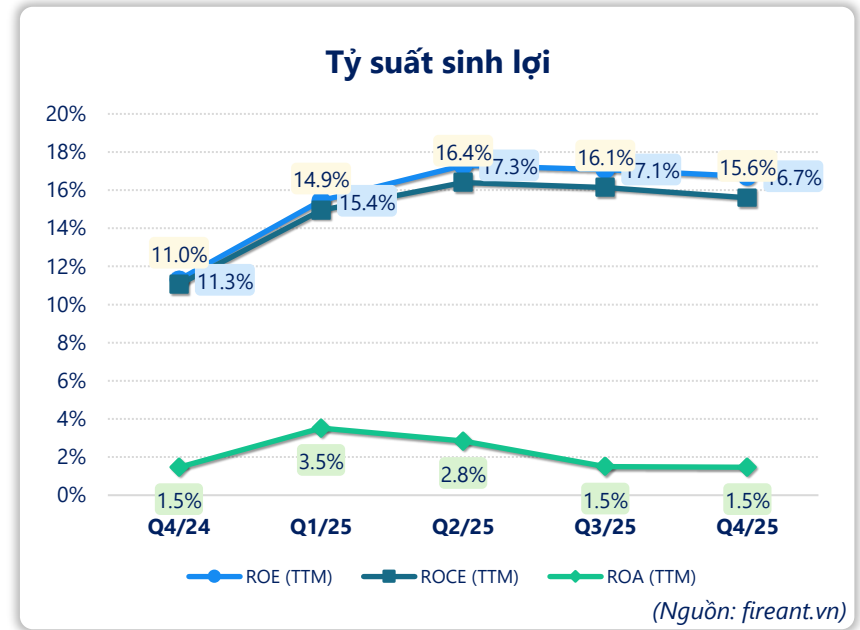
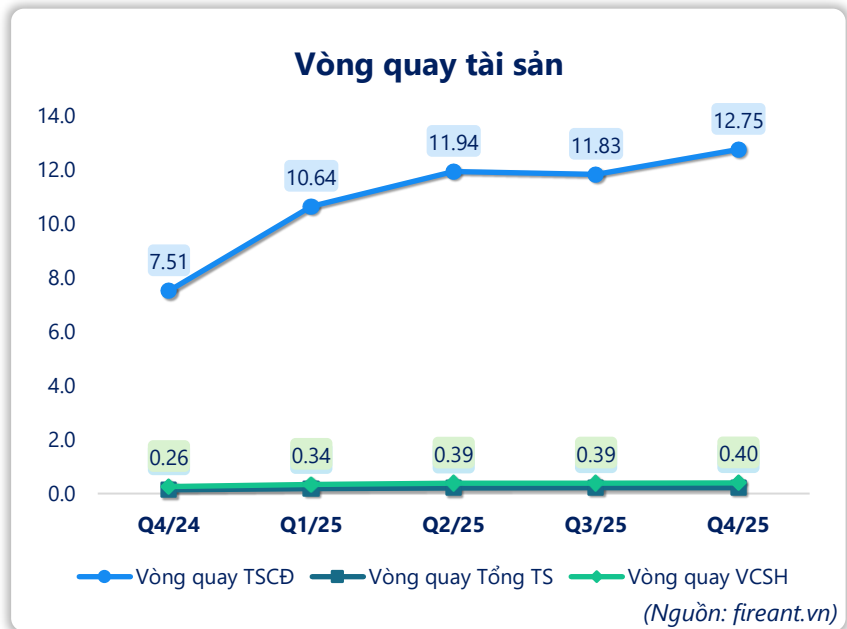
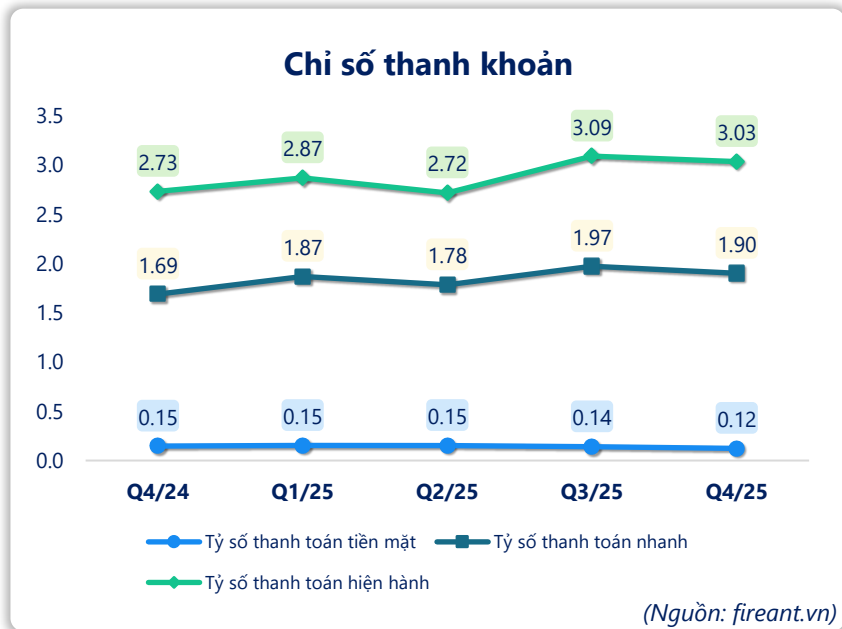
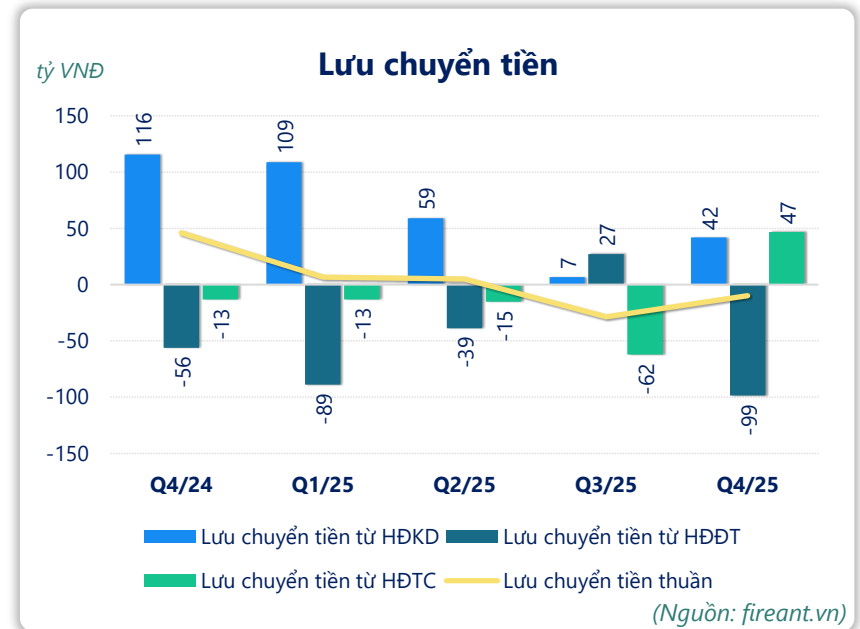


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		28,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		35,504
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,007
SL cổ phiếu LH		50,012,010
KLGD BQ 20 phiên (CP)		52,205
% sở hữu nước ngoài		6.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,443
P/E		4.9
EPS		5,848

	YTD	1T	3T	6T
LHG	-14.5%	-3.0%	-4.8%	-8.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,275	3,070	6.7%
Tài sản ngắn hạn	2,222	2,172	2.3%
Tiền và tương đương tiền	90.1	116	-22.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	934	900	3.9%
Phải thu ngắn hạn	353	316	11.8%
Hàng tồn kho	831	828	0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	13.5	13.5	-0.2%
Tài sản dài hạn	1,053	898	17.3%
Phải thu dài hạn	3.81	3.81	0.0%
Tài sản cố định	51.1	57.9	-11.9%
Bất động sản đầu tư	712	551	29.2%
Tài sản dở dang	46.1	46.3	-0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	193	192	0.1%
Tài sản dài hạn khác	47.9	46.6	2.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,439	1,407	2.2%
Nợ ngắn hạn	732	795	-7.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.8	54.9	-34.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	63.1	31.2	102%
Nợ dài hạn	706	612	15.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	196	126	55.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,837	1,663	10.4%
Vốn chủ sở hữu	1,837	1,663	10.4%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	94.6	234	223	112	121
Giá vốn hàng bán	54.6	93.6	96.0	59.8	72.9
Lợi nhuận gộp	40.0	140	127	52.4	48.6
Doanh thu HĐTC	6.09	15.6	7.18	18.2	17.1
Chi phí TC	4.84	5.14	4.70	0.96	1.27
Chi phí lãi vay	3.48	3.20	3.24	2.96	2.96
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.57	1.60	3.77	0.43	1.32
Chi phí QLDN	16.2	12.8	14.3	12.7	15.1
LN thuần từ HĐKD	23.5	136	112	56.5	48.0
Lợi nhuận khác	34.1	1.08	0.46	0.55	8.84
LN trước thuế	57.6	137	112	57.1	56.9
Lợi nhuận sau thuế	44.8	110	89.8	46.1	46.5
LNST của CĐ cty mẹ	44.8	110	89.8	46.1	46.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	116	109	59.1	6.56	41.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-56.2	-88.9	-38.8	27.1	-98.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.4	-13.2	-15.3	-62.2	46.7
Tiền đầu kỳ	69.6	116	122	128	99.7
Lưu chuyển tiền thuần	46.0	6.65	5.03	-28.6	-9.95
Ảnh hưởng tỷ giá	0.13	0	0.92	0	0.42
Tiền cuối kỳ	116	122	128	99.7	90.1

(Nguồn: fireant.vn)